

TÌM HIỂU VIỆC HÌNH THÀNH KĨ NĂNG ĐỌC - VIẾT THÔNG QUA DẠY HỌC TỰ NHIÊN - XÃ HỘI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Đỗ Thị Nga*

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-7-2016; ngày phân biên đánh giá: 25-10-2016; ngày chấp nhận đăng: 06-01-2017

TÓM TẮT

Bài viết tập trung tìm hiểu việc hình thành kĩ năng đọc-viết trong dạy học Tự nhiên - Xã hội (TNXH) cho học sinh tiểu học (HSTH) thông qua khảo sát nhận thức cũng như cách thức thực hiện công việc này của giáo viên (GV), đồng thời phân tích một số công cụ hỗ trợ việc hình thành kĩ năng đọc-viết để tìm ra điểm mạnh cũng như điểm yếu của những công cụ này. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số dạng bài tập khác nhau để góp phần hình thành những kĩ năng này một cách tốt nhất cho HSTH.

Từ khóa: kĩ năng đọc-viết, giáo dục tiểu học, môn Tự nhiên - Xã hội.

ABSTRACT

Examining the formation of reading - writing skills for primary school pupils through teaching Natural - Social Science

The article explores the development of reading and writing skills for primary school children through teaching and learning Natural and Social Sciences by examining primary school teachers' perceptions and teaching methodology regarding this issue. The writer also analyzes the strengths and weaknesses of some exercises aiding the formation of said skills (language skills) and recommends proposes various types of exercises to optimize the process.

Keywords: reading and writing skills, primary education, Natural and Social Science.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc tiếp thu kiến thức khoa học cho học sinh (HS) ở mọi cấp học, đặc biệt là HSTH (học sinh tiểu học). Trong trường phổ thông nói chung, trường tiểu học nói riêng, với cách tiếp cận nhấn mạnh các hoạt động dạy học trong tìm hiểu khoa học và kĩ thuật, ngôn ngữ không phải là đối tượng nghiên cứu đầu tiên. Tuy nhiên, thông qua các hoạt động mà GV (giáo viên) tổ chức như quan sát và thực

hành với thế giới thực, làm các bài tập liên quan đến đọc và viết, trẻ dần dần được hình thành các kĩ năng ngôn ngữ, đồng thời tư duy của trẻ cũng phát triển. [13, tr.37-38]. Như vậy, quá trình phát triển các kĩ năng ngôn ngữ chính là quá trình hoàn thiện các kĩ năng tư duy cho HS.

Dạy học tích hợp đang là một xu thế toàn cầu, trong đó định hướng dạy học tích hợp xuyên môn đang được nhấn mạnh. Khả năng sử dụng ngôn ngữ là một năng lực xuyên môn, là một năng lực học tập

* Khoa Giáo dục Tiểu học - Trường Đại học Sư phạm TP HCM; Email: dongagath@gmail.com

chung, đồng thời là cũng là năng lực sống và làm việc suốt đời của con người. Đối với việc học tập để lĩnh hội kiến thức khoa học, thông qua việc tìm hiểu nội dung các văn bản hay thực hành trải nghiệm các hiện tượng khoa học rồi trình bày những suy nghĩ, sự hiểu biết của mình bằng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, HS dễ dàng tiếp cận, ghi nhớ các khái niệm khoa học hơn. Và ngược lại, kỹ năng đọc - viết cho phép HS hiểu sâu và phản ánh chính xác các vấn đề khoa học [13, tr.97].

Thông qua khảo sát nhận thức (perception), cách thức thực hiện (methodology) của GV tiểu học cũng như phân tích, đánh giá một số công cụ được xem là có vai trò quan trọng trong việc hình thành kỹ năng đọc-viết cho HSTH như sách giáo khoa (SGK), vở bài tập và vở ghi chép của HS, chúng tôi đề xuất một vài dạng bài tập khác nhau có thể góp phần hình thành kỹ năng đọc-viết một cách tốt nhất cho HS.

2. Nhận thức của giáo viên tiểu học về các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng đọc-viết cho học sinh tiểu học trong dạy học môn TN-XH

Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng tôi đã thực hiện khảo sát bằng phỏng vấn trực tiếp và bằng bảng hỏi về nhận thức, thái độ cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành kỹ năng đọc - viết cho HSTH đối với 35 GVTH thuộc các trường: Tiểu học Lương Thế Vinh - quận Thủ Đức, Tiểu học Hòa Bình - Quận 1, Tiểu học Trần Bình Trọng - Quận 5, Tiểu học Võ Trường Toản - Quận 10 (Thành phố Hồ

Chí Minh) và 71 GV tiểu học tại một số trường tiểu học thuộc tỉnh Bến Tre. Có 6 nội dung chính đã được khảo sát như sau:

- Tầm quan trọng của việc rèn kỹ năng đọc-viết cho HS trong dạy học môn TN-XH;
- Cơ hội đọc-viết của HS trong dạy học môn TN-XH;
- Mức độ sử dụng vở ghi và Vở bài tập môn TN-XH của HS;
- Việc kiểm soát và đánh giá Vở bài tập môn TN-XH của GV và Tổ - khối trưởng chuyên môn;
- Những yếu tố ảnh hưởng không tốt đến việc hình thành kỹ năng đọc-viết cho HSTH trong dạy học môn TN-XH (chương trình nặng về cung cấp kiến thức, thiếu sự kiểm tra đánh giá một cách nghiêm túc và thường xuyên sử dụng vở bài tập và vở ghi chép...);
- Biện pháp hỗ trợ việc rèn kỹ năng đọc viết cho HS trong dạy học môn TN-XH (xây dựng chương trình học theo định hướng hình thành năng lực cho người học, đa dạng về hình thức và hấp dẫn về nội dung cũng như trình bày các bài tập, có sự kiểm tra vở ghi và vở bài tập của HS...).

Kết quả khảo sát cho thấy 100% số người được hỏi cho rằng việc hình thành kỹ năng đọc-viết cho HS trong dạy học môn TN-XH là hết sức quan trọng và cần thiết. Nhận định về kỹ năng đọc-viết của HS trong học tập môn TN-XH, có 81% các GV cho rằng mức độ chỉ ở phạm vi trung bình đến trung bình khá (chia đều cho tất cả HS ở các khối lớp).

Tuy nhiên, 76% GV cho rằng có hai nguyên nhân chính ảnh hưởng tới vấn đề hình thành kỹ năng đọc-viết của HS trong dạy học TN-XH. Thứ nhất, đó là chương trình học nặng về cung cấp kiến thức, vì vậy phần lớn thời gian của tiết học đều dành cho việc tìm hiểu kiến thức thông qua quan sát tranh - trả lời câu hỏi hoặc học thuộc phần tóm tắt kiến thức chính của bài. Thứ hai, đó là vấn đề kiểm tra - đánh giá. Các câu hỏi kiểm tra giữa kì, cuối kì đều chỉ nhằm kiểm tra kiến thức học thuộc lòng của HS mà quên đi việc kiểm tra, đánh giá các kỹ năng khác, trong đó có kỹ năng đọc-viết. Tuy nhiên, cũng qua kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy một nguyên nhân không kém phần quan trọng ảnh hưởng đến kỹ năng đọc-viết của HS, đó là gần như không có sự kiểm tra đánh giá thường xuyên của các nhà quản lý chuyên môn đối với vở bài tập cũng như vở ghi chép của HS. Và điều này cũng đồng nghĩa với việc GV không có động cơ để bắt buộc HS sử dụng những công cụ học tập này. Ngoài ra, việc thiếu vắng các dạng bài tập đọc-viết mới lạ, sinh động về hình thức, phong phú về nội dung để hấp dẫn HS, để từ đó HS có thể chủ động và tự giác thực hiện chúng mà không cần nhiều đến sự kiểm tra, đôn đốc của GV cũng là một nguyên nhân không thể không tính đến.

3. Công cụ hỗ trợ hình thành kỹ năng đọc-viết cho HS trong dạy học TN-XH

3.1. Sách giáo khoa

Có thể chia SGK môn TN-XH thành 2 nhóm dựa vào cấu trúc chung và cách trình bày. Nhóm 1 là SGK môn Lịch sử và

địa lí (lớp 4, 5). Nhóm 2 là SGK phân môn Tự nhiên và xã hội của các khối lớp 1, 2, 3 và SGK phân môn Khoa học lớp 4, 5. SGK phân môn Lịch sử và Địa lí có kênh chữ vượt trội so với kênh hình do đặc thù môn học: cung cấp kiến thức cho HS thông qua phần ngữ liệu dạng văn bản. Do vậy, hoạt động đọc của HS sẽ được khai thác nhiều hơn khi học các phân môn này.

Đối với SGK phân môn Tự nhiên và xã hội và phân môn Khoa học, ngoài kênh chữ đóng vai trò chính là cung cấp kiến thức, còn có một hệ thống câu hỏi và các lệnh yêu cầu HS thực hiện các hoạt động học tập để chiếm lĩnh tri thức như quan sát, trả lời câu hỏi, liên hệ thực tế, thực hành thí nghiệm hoặc làm các bài tập cho sẵn... Như vậy, thông qua làm việc với SGK, HS có cơ hội thực hành kỹ năng đọc và nói nhiều hơn viết.

3.2. Vở ghi chép

Vở ghi chép là một công cụ hết sức quan trọng trong dạy học khoa học. HS dùng vở để ghi chép những trình tự của thực nghiệm, ghi chép những gì mà GV đã công nhận, những suy nghĩ ban đầu của trẻ, những thông tin thu nhận trên lớp... Chữ viết là một cách thể hiện những suy nghĩ, ý kiến của HS thay lời nói. Chữ viết lưu giữ những thông tin đã thu nhận được. Khi dạy HS chuyển từ nói sang viết nghĩa là dạy cho các em một cách thức thể hiện trang trọng hơn [13, tr.77]. Vở ghi chép chính là một công cụ quan trọng trong việc hình thành kỹ năng viết cho HS thông qua học tập khoa học.

Tuy nhiên, qua quan sát thực tế cũng như kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy có một thực tế đáng buồn là hầu hết HSTH không được khuyến khích sử dụng vở ghi trong quá trình học tập môn TN-XH nói chung, phân môn Khoa học nói riêng. Một số ít GV có cho HS sử dụng vở ghi nhưng chỉ để ghi tựa bài học. Như vậy, HS đã mất đi cơ hội tốt để rèn kỹ năng viết cho mình. Điều này ảnh hưởng không tốt đến quá trình phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, từ đó chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến phát triển tư duy của HS.

3.3. Vở bài tập

Cùng với bộ SGK là bộ Vở bài tập cho các môn học về tự nhiên và xã hội. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu Vở bài tập Khoa học 4 và 5, cụ thể hơn là phần bài tập thuộc chủ đề Vật chất và năng lượng. Theo chúng tôi, chủ đề này bộc lộ rõ nhất cách thức và hiệu quả của việc hình thành kỹ năng đọc-viết cho HS qua việc học tập kiến thức thuộc khoa học tự nhiên.

Ngay trong mục Hướng dẫn sử dụng, các tác giả Vở bài tập Khoa học đã khẳng định: “Các bài tập trong vở Bài tập nhằm rèn luyện cho HS các kỹ năng học tập, thực hành, củng cố và khắc sâu kiến thức” [14, tr.3] với các hình thức chủ yếu:

- Trắc nghiệm đúng-sai;
- Trắc nghiệm nhiều lựa chọn;
- Trắc nghiệm ghép đôi;
- Trắc nghiệm điền khuyết;
- Vẽ;
- Trả lời câu hỏi.

Thống kê sơ bộ cho thấy trong tổng số 110 bài tập của chủ đề Vật chất và năng lượng thuộc Vở bài tập Khoa học 4, có đến 65 bài tập thuộc dạng bài trắc nghiệm với các hình thức khác nhau, chiếm 59%. Và trong 93 bài tập cũng thuộc chủ đề này của Vở bài tập Khoa học 5, có đến 48 bài thuộc dạng bài trắc nghiệm, chiếm 51,6%. Đây là dạng bài chủ yếu giúp HS nhận ra kiến thức đã được học nhằm phục vụ cho mục đích ôn tập các kiến thức khoa học [12, tr.102]. Một số các dạng bài còn lại như quan sát hình minh họa và trả lời câu hỏi chủ yếu lấy lại các hình ảnh trong các bài học của SGK. Một số bài đưa ra hệ thống câu hỏi và HS chỉ cần chép lại phần ghi nhớ trong bài học để trả lời. Những dạng bài này, giống như dạng bài trắc nghiệm vừa được đề cập ở trên, thực chất không giúp được nhiều cho HS trong việc rèn các kỹ năng đọc-viết.

Tuy nhiên, Vở bài tập Khoa học cũng đã bước đầu đưa ra được một dạng bài tập có thể giúp HS rèn kỹ năng đọc-viết tốt, đó là dạng bài tập đọc-viết thông qua trải nghiệm trong chủ đề Vật chất và năng lượng. Đó là các bài tập số 3 (trang 31), bài tập 1 (trang 32), bài tập 4 (trang 33) của Vở bài tập Khoa học 4, các bài tập 1 trang 63, bài 1 trang 65, bài 1 trang 66, bài 1 trang 77 của Vở bài tập Khoa học 5. Tuy nhiên, con số 7 bài tập là con số khiêm tốn so với tổng số 110 bài tập. Hơn nữa, tất cả các bài tập này đều lấy lại các tình huống đã được trình bày trong SGK mà HS đã được học trước đó. Điều này rất khó để đánh giá khả năng tư duy độc lập của các

em vì đã được học trước đó, HS có thể không hứng thú với việc làm các bài tập. Vì vậy, việc xây dựng các bài tập hình thành kỹ năng đọc-viết thông qua các hoạt động trải nghiệm là hết sức quan trọng và cần thiết.

4. Định hướng xây dựng bài tập rèn kỹ năng đọc-viết cho HS thông qua dạy học khoa học

4.1. Một số căn cứ

4.1.1. Đặc điểm tư duy của HSTH

Theo nhà tâm lý học J. Piaget, từ 7 đến 10 tuổi là giai đoạn những thao tác cụ thể, tư duy của trẻ dựa vào những đặc điểm trực quan của những đối tượng và hiện tượng cụ thể có trong thực tiễn (Dẫn theo [6, tr.55]). Ở lứa tuổi này, khi được học tập thông qua hành động, cuốn hút mình qua các hoạt động được xây dựng logic và có chủ đích, trẻ em có thể đạt được những mục tiêu học tập khác nhau một cách dễ dàng. Thông qua các hoạt động khác nhau như tương tác nhóm, làm các thí nghiệm hoặc vẽ tranh... trẻ được phát triển nhiều kỹ năng khác nhau, trong đó có kỹ năng ngôn ngữ. Cũng từ đặc điểm tâm lý này của trẻ, các tác giả của phương pháp dạy học Bàn tay nặn bột (La main à la pâte) đã đưa ra các định hướng cho hoạt động dạy học lấy việc tìm tòi, khám phá thông qua thực hiện các thí nghiệm khoa học của HS làm hoạt động nòng cốt, trong đó việc sử dụng vở thực nghiệm để HS ghi chép cá nhân được đặc biệt chú trọng. [4], [6], [13]

4.1.2. Đọc - viết khoa học

Theo nhận định của PISA (Programme for International Student

Assessment), đọc - viết khoa học được định nghĩa: “Kiến thức khoa học của một cá nhân là việc sử dụng kiến thức đó để nhận diện vấn đề, lĩnh hội kiến thức mới, giải thích các hiện tượng khoa học, rút ra các kết luận dựa trên các chứng cứ liên quan đến khoa học...” [12, tr.77]. Cũng theo PISA, người đọc viết khoa học có khả năng biết và hiểu các khái niệm và tiến trình khoa học cần thiết cho hội nhập xã hội, có khả năng đặt câu hỏi nảy sinh từ trí tò mò về thế giới cũng như mô tả, giải thích hay phỏng đoán các sự vật, hiện tượng tự nhiên; đọc hiểu các bài báo khoa học, thể hiện ý kiến về các thông tin khoa học, dựa trên chứng cứ thu thập được có thể đưa ra các kết luận... Như vậy, đọc - viết khoa học có tầm quan trọng lớn trong việc hình thành năng lực và tư duy khoa học cho trẻ, giúp trẻ không những tiếp thu tốt kiến thức khoa học mà còn sử dụng tốt các kỹ năng khoa học trong đời sống.

4.1.2. Các yếu tố của đọc viết khoa học

Cũng theo PISA, đọc-viết khoa học bao gồm 5 yếu tố chính: [12, tr. 77]

- Thể hiện sự hiểu biết về các khái niệm khoa học;
- Nhận diện câu hỏi nghiên cứu khoa học;
- Xác định các chứng cứ cần thiết của các vấn đề liên quan đến khoa học;
- Trình bày và đánh giá các kết luận khoa học;
- Đưa ra các kết luận hợp lý và có giá trị.

Như vậy, đây sẽ là những căn cứ có giá trị trong việc định hướng để xây dựng

các bài tập rèn kỹ năng đọc-viết cho HS thông qua tìm hiểu kiến thức khoa học.

4.1.3. Những yêu cầu về kỹ năng đọc-viết cho HS khối lớp 4, 5

Chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) xác định các kỹ năng đọc-viết cần đạt đối với HS lớp 4 và 5 như sau:

- *Về kỹ năng đọc-viết của HS lớp 4*
 - ✓ *Kỹ năng đọc:*
 - Đọc thầm;
 - Đọc diễn cảm đoạn văn, bài thơ, màn kịch ngắn;
 - Tìm hiểu ý nghĩa của bài văn, bài thơ và một số chi tiết có giá trị nghệ thuật trong bài văn, bài thơ;
 - Đọc thuộc một số bài thơ, đoạn văn;
 - Dùng từ điển HS hoặc các sách công cụ để tra cứu, ghi chép thông tin.
 - ✓ *Kỹ năng viết:*
 - Viết chính tả đoạn văn, đoạn thơ theo các hình thức nghe-viết, nhớ viết;
 - Sửa lỗi chính tả trong bài viết. Lập sổ tay chính tả;
 - Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện, miêu tả;
 - Viết đoạn văn kể chuyện và miêu tả theo dàn ý;
 - Viết thư thăm hỏi, cảm ơn, trao đổi công việc; viết giấy mời, điện báo.
- *Về kỹ năng đọc-viết của HS lớp 5*
 - ✓ *Kỹ năng đọc:*
 - Đọc các văn bản nghệ thuật, hành chính, khoa học, báo chí;
 - Đọc thầm, đọc lướt để nắm thông tin;

- Đọc diễn cảm đoạn văn, bài thơ, màn kịch ngắn;
- Nhận xét về nhân vật, hình ảnh, cách sử dụng từ ngữ và tình cảm, thái độ của tác giả;
- Đọc thuộc một số đoạn văn, đoạn thơ, bài thơ;
- Tra từ điển HS, sổ tay từ ngữ, ngữ pháp để tìm và ghi chép thông tin;
- Hiểu các kí hiệu, số liệu trên sơ đồ, biểu đồ...;
- Tìm hiểu ý nghĩa của bài văn, bài thơ và một số chi tiết có giá trị nghệ thuật trong bài văn, bài thơ;
- Đọc thuộc một số bài thơ, đoạn văn;
- Dùng từ điển HS hoặc các sách công cụ để tra cứu, ghi chép thông tin.
- ✓ *Kỹ năng viết:*
 - Viết chính tả đoạn văn, đoạn thơ theo các hình thức nghe-viết, nhớ viết;
 - Sửa lỗi chính tả trong bài viết. Lập sổ tay chính tả;
 - Viết đoạn văn kể chuyện, miêu tả (tả người, tả cảnh);
 - Viết biên bản một cuộc họp, một vụ việc;
 - Viết tóm tắt văn bản (độ dài vừa phải). [1]

Như vậy, với những kỹ năng này, HS hoàn toàn có thể đáp ứng được các dạng bài tập đọc-viết được xây dựng theo các yêu cầu trên.

4.2. Một vài dạng bài tập tiêu biểu

4.2.1. Xây dựng năng lực ngôn ngữ thông qua trải nghiệm

HS có rất nhiều cơ hội trải nghiệm thông qua học tập môn TN-XH, đặc biệt là

học tập các chủ đề thuộc khoa học tự nhiên. HS được trải nghiệm qua tham quan môi trường tự nhiên, qua các hoạt động thực hành, thí nghiệm khoa học, điều tra thực tế, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Sau mỗi hoạt động trải nghiệm, HS sẽ dễ dàng hơn trong việc viết lại những gì mình vừa trải qua với những cảm xúc, những biểu tượng sinh động từ thực tế.

4.2.2. Xây dựng năng lực ngôn ngữ thông qua viết sáng tạo

Đây là các dạng bài tập yêu cầu trẻ quan sát tranh, mô tả các biểu hiện của sự vật, hiện tượng; yêu cầu trẻ viết thư, làm thơ, viết truyện kết hợp vẽ tranh, tô màu, cắt dán, viết chú thích cho sơ đồ, tranh ảnh... Ngoài ra, có thể sử dụng ảnh hưởng của ngôn ngữ và ý tưởng của người khác để phát triển ý tưởng và ngôn ngữ của cá nhân trẻ: Cung cấp các bài đọc hiểu hấp dẫn về các chủ đề khác nhau (khác với các văn bản của SGK, nếu có) để kích thích sự tò mò ham hiểu biết của trẻ, đáp ứng mục tiêu môn học và hình thành động cơ đọc từ bên trong cho trẻ. Trẻ sẽ có cơ hội hiểu biết thêm về thế giới động - thực vật, về các sự vật, hiện tượng tự nhiên, các dạng vật chất và năng lượng... Đó cũng chính là các chủ đề của môn học.

4.2.3. Thiết kế mẫu dạng bài tập đọc-viết thông qua trải nghiệm

Trong khuôn khổ báo này, chúng tôi đưa ra một thiết kế bài tập theo hướng trải nghiệm như một ví dụ cụ thể nhằm minh chứng cho mong muốn góp phần hình thành kỹ năng đọc-viết cho HS một cách tốt nhất.

Phân môn Khoa học 4, bài 51: **Nóng, lạnh và nhiệt độ (tiếp theo)**

Mục tiêu bài học:

➤ HS có thể làm thí nghiệm để chứng minh:

- Vật nóng hơn luôn truyền nhiệt cho vật lạnh hơn;

- Nước và một số chất lỏng khác gặp nóng thì nở ra, gặp lạnh thì co lại.

➤ HS có thể trình bày hiểu biết bằng lời nói, bằng các bài tập rèn kỹ năng đọc-viết...

➤ HS tò mò, ham hiểu biết khoa học, có ý thức áp dụng kiến thức được học vào đời sống.

Chúng tôi chọn mục tiêu “HS có thể làm thí nghiệm để chứng minh: Nước gặp nóng thì nở ra, gặp lạnh thì co lại” để xây dựng bài tập rèn kỹ năng đọc-viết cho HS.

Ở bài tập này, nhiệm vụ đọc và viết của HS sẽ được đặt ra trong các yêu cầu sau:

a. Nhiệm vụ đọc của HS:

- Đọc tình huống xuất phát;

- Đọc câu hỏi định hướng để tìm hiểu vấn đề;

- Đọc phần hướng dẫn chọn phương tiện thí nghiệm bằng cách đánh dấu vào các lựa chọn cho sẵn;

- Đọc yêu cầu của bài tập điền từ, đọc để chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống, đọc toàn văn bài tập sau khi đã điền từ;

- Đọc câu hỏi của bài tập ứng dụng ở phần cuối để suy luận và trả lời (Bài tập dành cho HS khá giỏi).

b. Nhiệm vụ viết của HS:

- Viết những nhận định ban đầu về vấn đề đặt ra;
- Viết khi làm bài tập điền từ vào chỗ trống;
- Viết thư cho bạn để giải thích vấn đề; (Xem phần Phụ lục về thiết kế cụ thể)

5. Kết luận

Đọc-viết là hai trong nhiều những kĩ năng rất quan trọng trong việc giúp HS tiếp thu các kiến thức khoa học. Vì vậy, việc hình thành kĩ năng đọc-viết là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết không chỉ của những môn học có nhiệm vụ dạy ngôn ngữ mà của tất cả các môn học khác, trong đó có các môn học về tự nhiên và xã hội.

Trong chương trình Giáo dục tiêu học Việt Nam, ngoài môn Tiếng Việt, môn TN-XH là một môn học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kĩ năng đọc-viết cho HSTH. Những kiến thức khoa học thuộc chủ đề tự nhiên bao giờ cũng hấp dẫn và lôi cuốn trẻ ngay từ những năm tháng đầu đời và phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí của chúng. Thông qua việc tiếp thu những kiến thức khoa học này bằng các

hình thức trải nghiệm sáng tạo, kĩ năng đọc-viết cũng sẽ được hình thành một cách tự nhiên, dễ dàng và hiệu quả.

Để việc hình thành kĩ năng đọc-viết cho HSTH thông qua dạy học môn TN-XH được thực hiện một cách tốt nhất, chương trình môn học phải được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực và theo hướng tích hợp cao. Có như vậy GV mới không phải tập trung toàn bộ sức lực và thời gian trong việc nhồi nhét kiến thức cho HS mà quên đi việc dạy cho HS kĩ năng sử dụng ngôn ngữ và nhiều kĩ năng sống cần thiết khác.

Vở ghi chép cá nhân, đặc biệt là vở bài tập, được coi là những công cụ hỗ trợ tốt nếu chúng được sử dụng thường xuyên và có sự kiểm tra, đánh giá nghiêm túc. Các dạng bài tập đọc và viết thông qua trải nghiệm, đọc viết sáng tạo dựa trên những ý tưởng của người khác cũng luôn là những công cụ hỗ trợ tốt để hình thành kĩ năng đọc-viết cho HSTH. Ngoài ra, cần quan tâm hơn đến kĩ năng đọc-viết trong các bộ đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS thay vì chỉ quan tâm thuần túy đến đánh giá kiến thức khoa học như hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO


1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học*, Nxb Giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 1, 2, 3; Sách giáo khoa Khoa học 4, 5*, Nxb Giáo dục.
3. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết (2012), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ tiểu học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Phạm Phương Anh (2014), *Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học*.
5. Georges Charpak (1996), *Bàn tay nặn bột, khoa học ở trường tiểu học*, Bản dịch từ tiếng Pháp, Người dịch Đinh Ngọc Lan (1999), Nxb Giáo dục
6. Nguyễn Thị Bích Hạnh, Trần Thị Thu Mai (2009), *Tâm lí học tiểu học và tâm lí học sư phạm tiểu học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

7. Đỗ Thị Nga (2013), *Đạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học bằng phương pháp Bàn tay nặn bột*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
8. Đỗ Thị Nga (2003), *Đánh giá môn Phương pháp dạy học Tự nhiên- Xã hội ở tiểu học bằng phương pháp trắc nghiệm khách quan*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái (2012), *Vở bài tập Khoa học 4, 5*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
10. Hoàng Thị Tuyết (2012), *Lí luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb Thời đại
11. Hoàng Thị Tuyết (2012), “Đào tạo - dạy học theo quan điểm tích hợp: chúng ta đang ở đâu?”, Kỉ yếu Hội thảo “*Dạy học tích hợp ở Tiểu học: Hiện tại và tương lai*”, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
12. PISA Organisation (2002), *PISA Assessment of reading, Mathematical and Scientific Literacy, Measuring Student Knowledge and skills*, OECD Publishing, p. 76-96.
13. Wynne Harlen, Ann Tổng (2005), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập*, Nxb Khoa học Xã hội.
14. Quanter (2014), *The Teaching of Science in Primery School*, David Fulton Publishers
15. Lisa Adam, Jean Claude Arrouge, Jean Michel Berard, Nadine Belin, David Jasmin (2002), *Teaching Science in School*.

PHỤ LỤC

01

PHIẾU HỌC TẬP




Em đọc tình huống sau:
 Mỗi lần nhớ Mai đun nước, mẹ thường dặn Mai:
 - Khi đun nước, con **không đổ đầy ấm** nhé!
 Mai rất muốn biết tại sao mẹ lại dặn như vậy. Em hãy giúp Mai giải đáp thắc mắc này nhé!

Em cần suy nghĩ để trả lời câu hỏi:

Khi làm nóng hay làm lạnh nước, mực nước trong ấm (hay trong bình sẽ thay đổi như thế nào?


Tiếp theo, các em sẽ tiến hành thí nghiệm:
 ✓ Lựa chọn dụng cụ thí nghiệm
 ✓ Tiến hành thí nghiệm




Đánh dấu vào những dụng cụ em cần dùng để làm thí nghiệm:

- Bình thủy tinh trong suốt có nắp cao su khoét lỗ
- Ống thủy tinh trong suốt
- khay nhựa trong
- Nước lấy từ vòi nước
- Nước nóng
- Nước đá
- Bút lông xanh, đỏ
- Phiếu học tập


Em làm thí nghiệm theo các bước hướng dẫn sau đây:

 **Bước 1:**


- ✓ Em đổ đầy nước lấy từ vòi vào bình thủy tinh.
- ✓ Em đặt bình bằng nắp cao su, gắn ống thủy tinh vào nắp chai. Em điều chỉnh để nước có thể dâng lên khoảng 2 cm trong ống thủy tinh.
- ✓ Em dùng bút lông xanh đánh dấu mực nước ban đầu trên ống thủy tinh.

 **Bước 2:**

- ✓ Em đặt bình vào khay nước nóng.
- ✓ Em quan sát mực nước trong ống thủy tinh.
- ✓ Em dùng bút lông đỏ đánh dấu mực nước mới trên ống thủy tinh.

 **Bước 3:**

- ✓ Em đặt bình vào khay nước lạnh.
- ✓ Em quan sát mực nước trong ống thủy tinh.
- ✓ Em dùng bút lông đánh dấu mực nước mới trên ống thủy tinh.




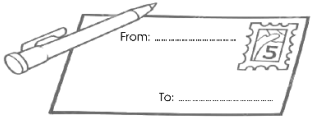
Em hãy chọn từ phù hợp trong khung để hoàn thành đoạn văn bên dưới.

nở ra, nước lạnh, dâng lên, gặp nóng, hạ xuống,
gập lạnh, nước nóng, co lại

Khi đặt bình thủy tinh vào khay đựng (1).....
nước trong ống thủy tinh (2)..... Khi đặt bình thủy
tinh vào khay đựng (3)..... nước trong ống thủy
tinh (4).....

→ Nhận xét chung:
→ Nước (5)..... thì (6).....
nước (7)..... thì (8).....

Em hãy viết thư cho Mai để trả lời cho thắc mắc của bạn. Em nhớ giải thích cách em đã tìm ra kết quả nhé!



Em hãy quan sát các chai chứa các chất lỏng khác nhau như nước sôi, nước ngọt, dầu ăn, sữa tươi... được bày bán trong siêu thị. Những chai này có được đổ đầy không nhỉ? Tại sao vậy?

